

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền.

2. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 2. Nguyên tắc hưởng chính sách

1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

2. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.

3. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban

đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Trường hợp học sinh tiểu học và trung học cơ sở phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn, kỷ luật hoặc vì lý do bất khả kháng thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học.

4. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở trong năm học nếu chuyển trường đến học ở địa bàn không thuộc các xã biên giới đất liền thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

5. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền trước ngày 15 thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, từ ngày thứ 16 thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng.

6. Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng từ 10% trở lên.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ VÀ CÁCH THỨC, QUY TRÌNH TRIỂN KHAI

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Chính sách đối với học sinh tiểu học:

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ 400.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

2. Chính sách đối với học sinh trung học cơ sở:

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh 450.000 đồng/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

b) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ 08 kg gạo/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

Điều 4. Cách thức triển khai

1. Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 5. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách

1. Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng và học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa

ăn trưa (theo Mẫu số 01) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục thông báo, cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh hưởng chính sách gửi Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp cho cơ sở giáo dục (nộp 01 lần đầu đề nghị xét hưởng chính sách cho cả cấp học). Cơ sở giáo dục tiếp nhận, kiểm tra, ký xác nhận.

3. Sau ngày hết hạn nhận đơn, trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ sở giáo dục tổ chức xét duyệt các Đơn đề nghị đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. Ngay sau khi có kết quả xét duyệt, cơ sở giáo dục lập và thông báo công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc.

4. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Văn hóa - Xã hội để thông báo cho các cơ sở giáo dục.

5. Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh theo quy định.

Điều 6. Trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ VÀ LẬP, PHÂN BỐ DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước, bao gồm: Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo quy định và ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách.

b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp

khác (nếu có) để hỗ trợ thêm cho bữa ăn trưa được đầy đủ và đảm bảo dinh dưỡng theo quy định.

2. Nguồn gạo hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện chính sách. Kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành.

Điều 8. Quy trình lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Lập dự toán

Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang theo học tại trường để lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa và kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục.

a) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo dự toán về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp theo Mẫu số 04 gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch;

b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

2. Phân bổ dự toán

a) Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề địa phương theo quy định.

3. Quản lý và quyết toán kinh phí

a) Các cơ sở giáo dục được giao kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật;

b) Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này được thực hiện 1 lần trong năm học vào tháng 12 năm trước năm kế hoạch và được điều chỉnh, bổ sung trong năm nếu có phát sinh theo quy định.

d) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực

hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

a) Bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách;

b) Cấp gao dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của các tỉnh, thành phố biên giới, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gao dự trữ quốc gia theo quy định;

c) Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí và gao hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, các địa phương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh)

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu, Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ khả

năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ thêm cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn nếu phù hợp.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng thụ hưởng để thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20...

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa
Mẫu số 02	Danh sách học sinh hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa (dùng cho các cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách)
Mẫu số 03	Mẫu quyết định phê duyệt
Mẫu số 04	Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ

(Dùng cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở)

Kính gửi: Trường

Họ và tên cha/mẹ/người giám hộ

Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước:

Họ và tên học sinh:

Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước:

Năm học; là học sinh lớp:....., Trường

Tôi (Em) làm đơn này đăng ký ăn trưa do nhà trường tổ chức theo quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày.....tháng năm 2025 của Chính phủ, gồm:

1. Tiền ăn: ☐

2. Gạo: ☐

....., ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

(Học sinh hoặc cha/mẹ/người giám hộ của học sinh khai ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI/SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC.....

Mẫu số 02

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA**

(Dùng cho cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm (kg)	Ghi chú
	Tổng cộng							

....., ngày..... tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày..... tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ...(2)...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(3).....

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền;

Căn cứ(4).....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.(5)....

Điều ...Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều ...

Nơi nhận:

- Như Điều;

-

- Lưu: VT, (6) A.xx (7)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định.

(2) Ghi rõ trích yếu của quyết định

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định

(4) Các căn cứ khác (nếu có) để ban hành quyết định

(5) Ghi rõ nội dung quyết định

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI /SỞ
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC, THCS

(Dùng cho Phòng Văn hóa - Xã hội/Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Tổng số kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng cộng						

....., ngày..... tháng.....năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các Nghị quyết Trung ương về giáo dục và đào tạo; chuẩn bị Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục, đào tạo và một số chủ trương hỗ trợ dạy và học: “*Thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở xã biên giới, trong đó ưu tiên xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới)... Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025-2026 (tháng 9/2025)*”.

- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã quyết nghị về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền “*Thống nhất chủ trương giao Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025-2026, trường hợp vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định*”.

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, trong đó có chỉ đạo: “*Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn*”.

- Nghị quyết số 41/2021/QH15 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV đã yêu cầu Chính phủ “*Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có giải pháp cụ thể, sớm thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội*

đặc biệt khó khăn".

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó định hướng nhiều giải pháp để thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, đảo đảm cộng bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Công văn số 7681/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long *"Đồng ý với kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại văn bản nêu trên về việc xây dựng dự thảo Nghị định hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan; trình Chính phủ xem xét ban hành trước ngày 31 tháng 8 năm 2025"*.

2. Cơ sở thực tiễn

- Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của liên tịch Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc (hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2025).

- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2025).

- Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, các đối tượng trẻ em, nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo học bán trú do không thể về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn trưa, bao gồm:

(i) Trẻ em nhà trẻ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Trẻ em nhà trẻ người dân tộc thiểu số thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc một trong các trường hợp trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em

khuyết tật học hòa nhập.

(ii) Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp: Bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp: Người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(iii) Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá thuộc một trong các trường hợp: Là người dân tộc thiểu số; Là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo.

Mức hưởng chính sách: Mỗi trẻ em nhà trẻ được hỗ trợ tiền ăn trưa mỗi tháng là 360.000 đồng. Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ tiền ăn mỗi tháng là 936.000 đồng. Ngoài ra mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở 360.000 đồng/1 tháng, hỗ trợ gạo mỗi tháng 15 kg.

Như vậy, theo quy định hiện hành tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP thì chính sách hỗ trợ ăn trưa mới chỉ tập trung vào các đối tượng trẻ em nhà trẻ, học sinh phổ thông học bán trú, có hộ khẩu thường trú tại vùng dân tộc miền núi, vùng đặc biệt khó khăn là con em dân tộc thiểu số hoặc con hộ nghèo, nhà ở xa trường, không thể đi và về trong ngày. Còn lại phần lớn các đối tượng học sinh tiểu học, trung học cơ sở khác học ở các vùng dân tộc miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, các xã biên giới chưa được hưởng chính sách này. Việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền là cần thiết, để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng nguyện vọng và sự mong mỏi của nhân dân.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách đối với trẻ em, học sinh, học viên và cơ sở giáo dục vùng đông bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và hải đảo.
- Tiếp tục quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, khu vực biên giới; trực tiếp là dinh dưỡng cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở, thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa các vùng miền.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Xây dựng Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất, tính kế thừa của hệ thống pháp luật về chính sách dân tộc, chính sách khu vực biên giới; bảo đảm các nguyên tắc về bình đẳng giới và không làm phát sinh quy định thủ tục hành chính.
- Bảo đảm tính khả thi về nguồn lực thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Nghị định được xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn. Cụ thể:

- Đã đăng tải dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ GDĐT trong thời gian 04 ngày để lấy ý kiến rộng rãi của công dân (đã nhận được ý kiến).
- Đã gửi văn bản xin ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan (đã nhận được ý kiến).
- Đã gửi văn bản xin ý kiến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan (đã nhận được ý kiến) và có trên% số người tham gia góp ý nhất trí với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định.

Bộ GDĐT đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ Nghị định.

- Đã rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo và rà soát các quy định về thủ tục hành chính... Qua quá trình nghiên cứu, rà soát, Bộ GDĐT nhận thấy các nội dung quy định của dự thảo Nghị định *bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, không làm phát sinh thủ tục hành chính và không làm phát sinh các vấn đề về giới.*

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định tại dự thảo Nghị định như sau:

“1. Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam học tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền.

2. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách”.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 4 Chương và 10 Điều, cụ thể:

- Chương I (từ Điều 1 đến Điều 2): Quy định chung, gồm quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hưởng chính sách.

- Chương II (từ Điều 3 đến Điều 6): Quy định về mức hỗ trợ, cách thức triển khai, quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách, trình tự, thủ tục và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ gạo.

- Chương III (từ Điều 7 đến Điều 8): Quy định về nguồn kinh phí thực hiện chính sách, quy trình lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí.

- Chương VI (từ Điều 9 đến Điều 10): Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Quy định về nguyên tắc hưởng chính sách

Căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tiễn, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc hưởng chính sách như sau:

(1) Học sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó. Học sinh là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.

(2) Học sinh nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Trường hợp học sinh phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn, kỷ luật hoặc vì lý do bất khả kháng thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học. Học sinh trong năm học nếu chuyển trường đến học ở địa bàn không thuộc các xã biên giới đất liền thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

(3) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã biên giới đất liền trước ngày 15 thì được hưởng chính sách hỗ trợ tròn tháng, từ ngày thứ 16 thì được hưởng chính sách hỗ trợ nửa tháng.

(4) Mức hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định này sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng từ 10% trở lên.

3.2. Mức hỗ trợ, cách thức triển khai

a) Mức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ đối với học sinh tiểu học: 400.000 đồng/tháng (không quá 09 tháng/năm học); 08 kg gạo/tháng (không quá 09 tháng/năm học).

- Mức hỗ trợ đối với học sinh trung học cơ sở: 450.000 đồng/tháng (không quá 09 tháng/năm học); 08 kg gạo/tháng (không quá 09 tháng/năm học).

b) Cách thức triển khai: Cơ sở giáo dục được chủ động tổ chức triển khai bữa ăn cho học sinh căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định. Cơ sở giáo dục có tổ chức ăn tập trung tại trường được hưởng mức chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

3.3. Quy trình xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách

- Vào đầu năm học, các cơ sở giáo dục tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng và học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa.

- Căn cứ Đơn đề nghị do cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng nộp cho cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục tổ chức xét duyệt các hồ sơ đủ điều kiện được hưởng chính sách, thực hiện công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách và gửi Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách.

- Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh hưởng chính sách, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh.

3.4. Nội dung phân quyền, phân cấp

Nghị định này không quy định về phân quyền, phân cấp, nhưng bảo đảm phù hợp với chủ trương xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện và sáp nhập, hợp nhất một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 (không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ.

2. Nguồn nhân lực để thực hiện chính sách: các cơ sở giáo dục bố trí nhân lực thực hiện.

3. Quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh thuộc đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Nghị định này thông qua việc cấp phát trực tiếp cho các cơ sở giáo dục có học sinh theo học để tổ chức ăn trưa tại các cơ sở giáo dục cho học sinh. Điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành chính sách bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức phổ biến, tuyên truyền chính sách và các quy định liên quan.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn các cơ quan tài chính bố trí ngân sách thực hiện chính sách. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp các Bộ, ngành có liên quan và địa phương chỉ đạo thực hiện và triển khai có hiệu quả chính sách.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền, Bộ GDĐT xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này:

1. Dự thảo Nghị định.
2. ...

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

Số: 7681/VPCP-KGVX

V/v xây dựng Nghị định theo
trình tự, thủ tục rút gọn

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Đồng chí Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xét đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 1102/TTr-BGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc xây dựng dự thảo Nghị định hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền theo hình thức rút gọn, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long có ý kiến chỉ đạo như sau:

Đồng ý với kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại văn bản nêu trên về việc xây dựng dự thảo Nghị định hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan; trình Chính phủ xem xét ban hành trước ngày 31 tháng 8 năm 2025.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Lê Thành Long (để b/c);
- Các Bộ: GDĐT, TP, TC, DTTG;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh, các Vụ: TH, PL, QHĐP, KTTH;
- Lưu: VT, KGVX(2b). Sơn.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Đỗ Ngọc Huỳnh

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 227/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ kết quả Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV từ ngày 05 tháng 5 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025 và từ ngày 11 tháng 6 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Quốc hội đã thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện chủ trương sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tinh gọn, giảm cấp trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia và địa phương, tái cấu trúc toàn diện không gian phát triển đất nước. Đồng thời, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành theo thẩm quyền các nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã để chính thức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025.

Đây là những quyết định trọng đại, có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến toàn hệ thống chính trị, đến từng người dân và toàn xã hội, đặc biệt đối với 696 đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã thực hiện sắp xếp trên cả nước sẽ kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025. Quyết định này đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo các tầng lớp Nhân dân, các đại biểu Quốc hội, các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị ở các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

Quốc hội và cử tri cả nước ghi nhận và đánh giá cao vai trò lịch sử và sự đóng góp của cấp ủy, chính quyền các đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước đã kiên trung, bền bỉ gánh vác trọng trách lớn lao, hoàn thành xuất sắc, trọn vẹn sứ mệnh lịch sử vẻ vang trong suốt 80 năm qua để tạo nền tảng vững chắc cho đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới, chuyển sang mô hình tổ chức chính

quyền địa phương 02 cấp. Quốc hội ghi nhận và biểu dương tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị ở các đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, các Bộ, cơ quan thực hiện sắp xếp đã chung sức, đồng lòng ủng hộ việc thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; trân trọng sự hy sinh, cống hiến của các tập thể, cá nhân vì mục tiêu chung, vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Yêu cầu Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan, tổ chức liên quan tập trung sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy để chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; có cơ chế, chính sách quan tâm, hỗ trợ, động viên kịp thời các đối tượng chịu tác động, ảnh hưởng của việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

2. Quốc hội đã thông qua 34 luật và 34 nghị quyết; cho ý kiến lần đầu đối với 06 dự án luật (*danh mục kèm theo*), trong đó, quyết định điều chỉnh thời điểm trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch sang Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV để tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi toàn diện.

Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan liên quan khẩn trương triển khai thi hành các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp thứ 9, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật, kịp thời, nghiêm minh, nhất quán, hiệu lực, hiệu quả; nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội để hoàn thiện các dự án luật đã được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9; khẩn trương chuẩn bị các nội dung trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV bảo đảm chất lượng, tiến độ.

Yêu cầu Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết, bảo đảm luật, nghị quyết được thi hành ngay khi có hiệu lực; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính; kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tập trung ưu tiên xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm triển khai hiệu quả 04 Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, định hướng xây dựng pháp luật; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh. Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, hình thành các động lực tăng trưởng mới; tháo gỡ nhanh nhất các “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững

đất nước trong kỷ nguyên mới. Nâng cao hiệu quả, tạo đột phá trong công tác tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả.

3. Căn cứ chủ trương của Đảng và yêu cầu thực tiễn, Quốc hội đã xem xét, quyết định rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Đề nghị Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội xây dựng Báo cáo công tác nhiệm kỳ theo Kế hoạch số 1255/KH-UBTVQH15 ngày 17/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm chất lượng, tiến độ để trình Quốc hội xem xét tại Kỳ họp cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

Đồng thời, Quốc hội đã quyết định Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 vào Chủ nhật, ngày 15/3/2026; thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia để triển khai các công việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

4. Quốc hội ghi nhận, đánh giá cao công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2024 và những tháng đầu năm 2025.

Quốc hội yêu cầu Chính phủ chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp tục theo dõi sát diễn biến, dự báo tình hình trong nước và thế giới, triển khai đồng bộ, kịp thời, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra để khắc phục các tồn tại, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; trong đó tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

a) Đẩy mạnh chuyển đổi số và hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu có liên quan chậm nhất trong năm 2025; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai; kiểm soát biến động giá đất, đặc biệt là giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; thúc đẩy giao dịch điện tử, minh bạch thông tin và đơn giản hóa, rút ngắn thủ tục hành chính liên quan đến đất đai;

b) Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đa dạng hoá các kênh phân phối, phát triển mạnh các nền tảng số, thương mại điện tử; triển khai thực chất, hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; nâng cấp, đổi mới chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu;

c) Xử lý dứt điểm các công trình, dự án tồn đọng kéo dài gây lãng phí nguồn lực và cản trở phát triển các doanh nghiệp, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan; chấm dứt tình trạng chậm thanh toán các hợp đồng của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước đã ký với doanh nghiệp tư nhân. Tập trung tháo gỡ

khó khăn, vướng mắc thủ tục, giải quyết tranh chấp, đẩy nhanh tiến độ dự án và khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai đang bị lãng phí;

d) Rà soát, hoàn thiện chính sách tín dụng, trong đó có chính sách ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng. Khuyến khích cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền, chuỗi giá trị. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động tín dụng; kiểm soát chặt cho vay nội bộ;

đ) Khẩn trương tái cơ cấu thị trường chứng khoán, phát triển thị trường bảo hiểm; hoàn thiện quy định về trái phiếu doanh nghiệp để phát triển sâu rộng thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thu hút vốn trung và dài hạn cho phát triển kinh tế;

e) Tiếp tục thúc đẩy, nâng cao hiệu quả công tác ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, bố trí nguồn lực tương xứng để góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị;

g) Rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 để điều chỉnh phù hợp cho giai đoạn 2026 - 2030; tổ chức sơ kết giữa kỳ, hoàn thành trong năm 2025; đồng thời, nghiên cứu, sớm trình Quốc hội sửa đổi Luật Bình đẳng giới.

5. Về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, yêu cầu Chính phủ tập trung thể chế hóa chủ trương của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt là Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát, sửa đổi định mức, tiêu chuẩn làm cơ sở để tiết kiệm, chống lãng phí trong các luật chuyên ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Đồng thời, đánh giá toàn diện về hiện trạng tài sản công của các cơ quan, tổ chức thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính và tinh gọn tổ chức bộ máy. Có kế hoạch tổng thể, đồng bộ trong việc quản lý, sử dụng, chuyển giao trụ sở làm việc sau tinh gọn tổ chức bộ máy; ưu tiên bố trí, chuyển đổi trụ sở đôi dư thành cơ sở phúc lợi công cộng, khám, chữa bệnh, trường học; nghiên cứu, có cơ chế cho thuê, chuyển nhượng tài sản, trụ sở, nhà đất..., bảo đảm tất cả tài sản đôi dư được sử dụng hiệu quả, tránh tình trạng bỏ hoang hoặc sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả.

6. Quốc hội tán thành với các nội dung cơ bản trong *Báo cáo Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV* của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu, tiếp thu, giải quyết và trả lời các đề xuất, kiến nghị của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Qua thảo luận ở hội trường về *kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV*, Quốc hội đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương trong việc

giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri. Nhiều kiến nghị liên quan đến quyền lợi của người dân đã được các cơ quan có thẩm quyền nghiêm túc tiếp thu, xem xét và kịp thời giải quyết. Yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương tiếp tục quan tâm giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và ý kiến đề xuất, kiến nghị của các vị đại biểu Quốc hội về việc giải quyết kiến nghị cử tri. Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội; khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được đề cập trong Báo cáo giám sát.

7. Giao Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản quy định về mô hình, tổ chức, hoạt động của Tòa án chuyên biệt để giải quyết tranh chấp phát sinh tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời các luật, nghị quyết, pháp lệnh mới được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, bảo đảm Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân 03 cấp hoạt động thông suốt, hiệu quả; tăng cường đầu tư nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, chuyển đổi số để bảo đảm cho các Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mới được giao.

8. Về chuyển tiếp áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội cho phép thực hiện tại một số địa phương sau khi thực hiện sắp xếp bộ máy, mở rộng địa giới hành chính theo chủ trương của Đảng, Nhà nước

a) Cho phép các địa phương (bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ) sau sáp nhập đơn vị hành chính được tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù theo các Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024, số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022, số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 và số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, trừ các điều, khoản đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, tương ứng với các địa phương (bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ) trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh;

b) Cho phép các xã, phường mới tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh Đắk Lắk sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội áp dụng đối với thành phố Buôn Ma Thuột trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

c) Giao Chính phủ chỉ đạo đánh giá tác động của chính sách, bảo đảm nguyên tắc cân đối thu chi theo đúng Luật Ngân sách nhà nước; tổng kết, đánh giá các cơ chế, chính sách đặc thù cho các địa phương (sau khi hoàn thành việc sáp nhập, hợp nhất) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới hoặc trình Quốc hội luật hóa những vấn đề đã rõ, được thực tiễn kiểm nghiệm để áp dụng trong toàn quốc.

9. Miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo đảm quốc phòng,

an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Giao Chính phủ quy định cụ thể và chỉ đạo nghiên cứu đề trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

10. Về phương án tổng thể để giải quyết dứt điểm vấn đề của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC)

Nhất trí với đề xuất của Chính phủ về việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ còn lại của Chính phủ tại Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy thành nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước để xử lý dứt điểm vấn đề nợ của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Tờ trình số 22/TTr-CP ngày 24/6/2025 của Chính phủ, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến uy tín quốc gia. Chính phủ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu thanh toán các khoản nợ còn lại thuộc trách nhiệm của Chính phủ tại Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy, không để tiếp tục phát sinh thêm các khoản Chính phủ phải thanh toán thay cho Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

11. Về việc xử lý nguồn thu hồi nợ của các chương trình tín dụng chính sách do ngân sách nhà nước cấp đã hết thời gian thực hiện tại Ngân hàng Chính sách xã hội

Cho phép Ngân hàng Chính sách xã hội được tiếp tục sử dụng toàn bộ số tiền 6.068,961 tỷ đồng ngân sách nhà nước đã cấp cho các chương trình tín dụng chính sách (trong đó số đã thu hồi nợ đến ngày 30/4/2025 là 3.144,499 tỷ đồng và số tiếp tục thu hồi là 2.924,462 tỷ đồng) để cho vay các chương trình tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Tờ trình số 511/TTr-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Giao Chính phủ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thu hồi đầy đủ các khoản cho vay chưa thu hồi theo quy định pháp luật để thực hiện cho vay các chương trình tín dụng chính sách.

12. Về điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2025 và xác định dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Tờ trình số 504/TTr-CP ngày 11/6/2025 và Tờ trình số 509/TTr-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

Chính phủ thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2025 và xác định dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

13. Về kinh phí cho các cơ sở cai nghiện ma túy và chế độ, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công nhân, viên chức làm công tác cai nghiện ma túy tại Tờ trình số 492/TTr-CP ngày 10/6/2025 của Chính phủ

Giao Chính phủ quyết định và tổ chức thực hiện việc điều chỉnh dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 giữa Bộ Công an và các địa phương như Tờ trình số 492/TTr-CP ngày 10/6/2025 của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

Từ năm ngân sách 2026 trở đi, Bộ Công an chịu trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách nhà nước đảm bảo cho các cơ sở, trung tâm cai nghiện ma túy trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Công an theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, địa phương tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở, trung tâm cai nghiện ma túy và chế độ, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động, học viên đang tham gia công tác cai nghiện ma túy trong các cơ sở, trung tâm cai nghiện ma túy tại địa phương như đối với các chính sách, chế độ hỗ trợ hiện nay đang áp dụng. Trong đó, cho phép thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ hỗ trợ cho các cơ sở, trung tâm cai nghiện ma túy và cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động, học viên trong các cơ sở, trung tâm cai nghiện ma túy đóng tại địa phương khác theo Tờ trình số 492/TTr-CP ngày 10/6/2025 của Chính phủ.

14. Về bổ sung hình thức đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam

Đồng ý với đề xuất của Chính phủ tại Tờ trình số 573/TTr-CP ngày 23/6/2025. Chấp thuận bổ sung hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư cho Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam bên cạnh hình thức đầu tư công. Giao Chính phủ tổ chức lựa chọn hình thức đầu tư, nhà đầu tư theo quy định. Trường hợp có cơ chế, chính sách khác vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

15. Về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi)

a) Đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/7/2025 thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi có quy hoạch thay thế hoặc được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch để bảo đảm không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án, chương trình, nhiệm vụ đã được quyết định, phê duyệt.

Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã tổ chức lập hoặc điều chỉnh nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch;

b) Đối với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan cho đến khi có quy định mới;

c) Giao Chính phủ tổng kết, đánh giá toàn diện các nội dung có liên quan đến quy hoạch trong các văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm sự đồng bộ,

thống nhất của hệ thống pháp luật. Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy hoạch thì được phép áp dụng các quy định tại Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật cho đến khi có quy định mới của pháp luật về quy hoạch.

16. Về chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền

Thống nhất chủ trương giao Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025 - 2026, trường hợp vượt thẩm quyền của Chính phủ thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định.

17. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương các cấp, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để sớm triển khai thực hiện các luật, nghị quyết đã được Quốc hội thông qua.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và động viên các tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.



Trần Thanh Mẫn

**DANH MỤC CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT
ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA VÀ CHO Ý KIẾN
TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XV**

I. Luật được Quốc hội thông qua

1. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;
2. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
3. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
4. Luật Hóa chất;
5. Luật Công nghiệp công nghệ số;
6. Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
7. Luật Nhà giáo;
8. Luật Việc làm;
9. Luật Cán bộ, công chức;
10. Luật Thanh tra;
11. Luật Ngân sách nhà nước;
12. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
13. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc;
14. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
15. Luật Năng lượng nguyên tử;
16. Luật Đường sắt;
17. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
18. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo;
19. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
20. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
21. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
22. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
23. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;
24. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;
25. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;
26. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
27. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

28. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

29. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

30. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

31. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;

32. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự;

33. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

34. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng.

II. Nghị quyết được Quốc hội thông qua

1. Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013;

3. Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013;

4. Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

5. Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

6. Nghị quyết về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

7. Nghị quyết về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan.

8. Nghị quyết về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công;

9. Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

10. Nghị quyết Thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

11. Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

12. Nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng;

13. Nghị quyết về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp;

14. Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

15. Nghị quyết về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên (nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025;

16. Nghị quyết Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023;

17. Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku;

18. Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

19. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1;

20. Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

21. Nghị quyết về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

22. Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

23. Nghị quyết về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

24. Nghị quyết về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia;

25. Nghị quyết Bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

26. Nghị quyết Phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

27. Nghị quyết Miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và chức vụ Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội khóa XV;

28. Nghị quyết về số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV;

29. Nghị quyết Bầu Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV;

30. Nghị quyết Bầu Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội khóa XV;

31. Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nội quy kỳ họp Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội;

32. Nghị quyết về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2026;

33. Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

34. Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.

III. Dự án luật được Quốc hội cho ý kiến lần đầu

1. Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

2. Luật Dẫn độ;

3. Luật Tình trạng khẩn cấp;

4. Luật Tương trợ tư pháp về dân sự;

5. Luật Tương trợ tư pháp về hình sự;

6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM
tại buổi làm việc với đại diện Đảng uỷ Chính phủ và các ban, bộ, ngành
Trung ương về tình hình thực hiện các nghị quyết của Trung ương
về giáo dục và đào tạo; chuẩn bị Nghị quyết của Bộ Chính trị
về đột phá giáo dục, đào tạo và một số chủ trương hỗ trợ dạy và học

Ngày 18/4/2025, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã có buổi làm việc với đại diện Đảng uỷ Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các nghị quyết của Trung ương về giáo dục và đào tạo, chuẩn bị Nghị quyết mới của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục, đào tạo; về tổ chức học 2 buổi/ngày nhưng giảm áp lực học, không thu phí; bữa trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở miền núi. Dự buổi họp có các đồng chí lãnh đạo đại diện Đảng uỷ Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương có liên quan¹... Sau khi nghe Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo, phát biểu của các cơ quan, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm kết luận như sau:

1. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu và đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng phát triển, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của đất nước. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục, đào tạo vẫn chưa có được bước phát triển bứt phá, đáp ứng kỳ vọng của xã hội, nhất là yêu cầu phát triển toàn diện con người Việt Nam và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh đất nước, thế giới đứng trước nhiều cơ hội, thách thức phát triển mới. Mặc dù có nhiều chương trình mục tiêu quốc gia nhưng điều kiện học tập và sinh hoạt của học sinh ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn rất khó khăn, số trẻ tới lớp còn thấp. Nguyên nhân chính là do còn nhiều điểm nghẽn, hạn chế trong tư duy,

¹ Ban Tổ chức Trung ương; Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; Đảng uỷ các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Nội vụ; Y tế; Uỷ ban Văn hoá, Xã hội của Quốc hội; Văn phòng Trung ương Đảng.

nhận thức, thể chế, chính sách, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo.

Bối cảnh mới của đất nước đang đặt ra yêu cầu đào tạo lớp người mới phát triển toàn diện, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, sức khỏe (cả thể chất và tinh thần) tương xứng với việc thực hiện 2 mục tiêu 100 năm của đất nước, trong đó có đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng cao, yếu tố then chốt cho thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, cùng với tăng trưởng kinh tế phải bảo đảm thúc đẩy tiến bộ xã hội, mở rộng cơ hội cho mọi người dân tiếp cận giáo dục có chất lượng, học tập suốt đời và phát huy tối đa tiềm năng cá nhân. Trước các yêu cầu cấp bách này, cần phải có các quyết sách mạnh mẽ về thể chế, chính sách để tháo gỡ những điểm nghẽn, tập trung nguồn lực đầu tư nhanh chóng hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nhằm mục tiêu phát triển toàn diện người học và tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước bứt phá trong giai đoạn mới.

2. Đồng ý giao Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (tương tự Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về khoa học, công nghệ). Nghị quyết này không thay thế các Nghị quyết đã có, mà lựa chọn những vấn đề then chốt nhất, điểm nghẽn lớn hiện nay để tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến rõ ràng, cụ thể trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đồng thời, trình Bộ Chính trị cho chủ trương về Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thời hạn hoàn thành trong tháng 5/2025.

3. Thống nhất chủ trương các trường tiểu học, trung học cơ sở tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tùy theo điều kiện của từng địa phương về cơ sở vật chất, tài chính và giáo viên; có lộ trình thực hiện từng bước chủ trương này, trong đó cần kết hợp Nhà nước đầu tư là chính với khuyến khích xã hội hoá. Việc dạy học 2 buổi/ngày bảo đảm không thu phí và giảm áp lực với học sinh, tăng cường dạy học về văn hoá, nghệ thuật bảo đảm cho học sinh phát triển toàn diện.

Giao Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, giáo viên, nội dung chương trình dạy học, hoạt động giáo dục để các trường tiểu học, trung học cơ sở dạy học 2 buổi/ngày bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục. Thời gian thực hiện từ năm học 2025 - 2026.

4. Thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới, trong đó ưu tiên các xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới); các địa phương cần tập trung xây dựng hoàn thiện các trường liên cấp nội trú, bán trú cho các xã biên giới, tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh. Chú ý, xây dựng trường học phải có đủ phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, có nước sinh hoạt, nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, có sân chơi, chỗ ở cho giáo viên; các xã biên giới giáp quốc gia nào thì cần dạy tiếng nước đó cho học sinh để sau này có điều kiện tăng cường giao lưu nhân dân giữa 2 nước. Thực hiện chủ trương này theo lộ trình, phù hợp với tình hình kinh tế của đất nước. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần tăng cường kiểm tra, giám sát, nghiêm cấm việc bớt xén tiêu chuẩn ăn của học sinh. Trước mắt thực hiện tại những xã biên giới đất liền, bắt đầu từ năm học 2025 - 2026 (tháng 9/2025); trên cơ sở kết quả thực hiện sẽ sơ kết để nhân rộng dần ra toàn quốc. Khuyến khích các địa phương có thể cân đối kinh phí thì thực hiện ngay chủ trương này trên địa bàn quản lý của mình.

Giao Đảng uỷ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương báo cáo Đảng uỷ Chính phủ triển khai chủ trương trên, những vấn đề vượt thẩm quyền thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

5. Giao Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Đảng uỷ Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Thông báo kết luận này, báo cáo Thường trực Ban Bí thư những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Văn phòng Trung ương Đảng xin thông báo để các cơ quan, đơn vị biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các ban đảng, đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Đảng uỷ các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nội vụ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC**



**VĂN PHÒNG
TRUNG
ƯƠNG ĐẢNG
28-04-2025
16:15:13
+07:00**

Lâm Thị Phương Thanh

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1118 /CDT-TCQLH

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

V/v triển khai hỗ trợ gạo từ nguồn DTQG
cho học sinh, học viên năm học 2025-2026

Kính gửi: Các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

Để kịp thời triển khai xuất cấp gạo hỗ trợ cho học sinh, học viên theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ và hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền vào đầu năm học 2025-2026 (đầu tháng 9/2025), Cục Dự trữ Nhà nước đề nghị các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện các nội dung như sau:

1. Chủ động và khẩn trương phối hợp, làm việc với sở, ngành của địa phương để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có văn bản báo cáo nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh, học viên theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP gửi Bộ Tài chính (qua Cục Dự trữ Nhà nước) chậm nhất đến ngày 22/8/2025 (Chi tiết các địa phương đề nghị báo cáo theo Phụ lục I đính kèm).

2. Trên cơ sở Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Ban chấp hành Trung ương về thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới, trong đó ưu tiên các xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới) và tại Tờ trình số 610/TTr-CP ngày 26/6/2025 của Chính phủ trình Quốc hội thông qua Chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa và tổng hợp số liệu hỗ trợ học sinh tại các địa phương; đề nghị các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực chủ động và phối hợp với sở, ngành của địa phương để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có văn bản báo cáo nhu cầu hỗ trợ gạo bữa ăn trưa cho học sinh (theo mức hỗ trợ dự kiến mỗi tháng 08 kg gạo/học sinh, thời gian hỗ trợ không quá 09 tháng/năm học) gửi Bộ Tài chính (qua Cục Dự trữ Nhà nước) chậm nhất đến ngày 22/8/2025 (Chi tiết các địa phương đề nghị báo cáo theo Phụ lục II đính kèm).

3. Chi cục trưởng các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực có kế hoạch, phương án chuẩn bị sẵn sàng về nhân lực, phương tiện, gạo dự trữ quốc gia để tổ chức xuất cấp kịp thời ngay đầu năm học 2025-2026.

Đề nghị các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực khẩn trương triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ phụ trách (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TCQLH (25b).





PHỤ LỤC I

(Kèm theo Công văn số 118 /CDT-TCQLH ngày 19/8/2025 của Cục Dự trữ Nhà nước)

STT	Chi cục DTNN khu vực quản lý địa bàn các tỉnh, thành phố	Địa phương có đối tượng được hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (tỉnh, thành phố)	Trong đó	
			Địa phương đã có báo cáo nhu cầu hỗ trợ gạo	Địa phương chưa gửi báo cáo
Tổng cộng	15 Chi cục DTNN khu vực	33 tỉnh, thành phố	16 tỉnh, thành phố	17 tỉnh, thành phố
1	Chi cục DTNN khu vực I	Hà Nội, Phú Thọ	Hà Nội	Phú Thọ
2	Chi cục DTNN khu vực II	Hồ Chí Minh, Đồng Nai		Hồ Chí Minh, Đồng Nai
3	Chi cục DTNN khu vực III	Quảng Ninh, Hưng Yên		Quảng Ninh, Hưng Yên
4	Chi cục DTNN khu vực IV	Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên	Tuyên Quang, Lào Cai	Thái Nguyên
5	Chi cục DTNN khu vực V	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu	
6	Chi cục DTNN khu vực VI	Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh	Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh	
7	Chi cục DTNN khu vực VII	Ninh Bình, Thanh Hóa	Thanh Hóa	Ninh Bình
8	Chi cục DTNN khu vực VIII	Nghệ An, Hà Tĩnh		Nghệ An, Hà Tĩnh
9	Chi cục DTNN khu vực IX	Quảng Trị, Huế	Quảng Trị, Huế	
10	Chi cục DTNN khu vực X	Đà Nẵng, Quảng Ngãi		Đà Nẵng, Quảng Ngãi
11	Chi cục DTNN khu vực XI	Gia Lai	Gia Lai	
12	Chi cục DTNN khu vực XII	Đắk Lắk		Đắk Lắk
13	Chi cục DTNN khu vực XIII	Khánh Hòa, Lâm Đồng	Khánh Hòa, Lâm Đồng	
14	Chi cục DTNN khu vực XIV	Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long		Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long
15	Chi cục DTNN khu vực XV	Cần Thơ, An Giang, Cà Mau	Cà Mau	Cần Thơ, An Giang

San



PHỤ LỤC II

(Kèm theo Công văn số 1118 /CDT-TCQLH ngày 19/8/2025 của Cục Dự trữ Nhà nước)

STT	Chi cục DTNN khu vực quản lý địa bàn các tỉnh, thành phố	Địa phương có đối tượng được hỗ trợ bữa ăn trưa học ở các xã biên giới đất liền
Tổng cộng	14 Chi cục DTNN khu vực	22 tỉnh, thành phố
1	Chi cục DTNN khu vực II	Đồng Nai
2	Chi cục DTNN khu vực III	Quảng Ninh
3	Chi cục DTNN khu vực IV	Tuyên Quang, Lào Cai
4	Chi cục DTNN khu vực V	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu
5	Chi cục DTNN khu vực VI	Cao Bằng, Lạng Sơn
6	Chi cục DTNN khu vực VII	Thanh Hóa
7	Chi cục DTNN khu vực VIII	Nghệ An, Hà Tĩnh
8	Chi cục DTNN khu vực IX	Quảng Trị, Huế
9	Chi cục DTNN khu vực X	Đà Nẵng, Quảng Ngãi
10	Chi cục DTNN khu vực XI	Gia Lai
11	Chi cục DTNN khu vực XII	Đắk Lắk
12	Chi cục DTNN khu vực XIII	Lâm Đồng
13	Chi cục DTNN khu vực XIV	Tây Ninh, Đồng Tháp
14	Chi cục DTNN khu vực XV	An Giang

Handwritten signature

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1118 /CDT-TCQLH

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

V/v triển khai hỗ trợ gạo từ nguồn DTQG
cho học sinh, học viên năm học 2025-2026

Kính gửi: Các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

Để kịp thời triển khai xuất cấp gạo hỗ trợ cho học sinh, học viên theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ và hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền vào đầu năm học 2025-2026 (đầu tháng 9/2025), Cục Dự trữ Nhà nước đề nghị các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện các nội dung như sau:

1. Chủ động và khẩn trương phối hợp, làm việc với sở, ngành của địa phương để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có văn bản báo cáo nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh, học viên theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP gửi Bộ Tài chính (qua Cục Dự trữ Nhà nước) chậm nhất đến ngày 22/8/2025 (Chi tiết các địa phương đề nghị báo cáo theo Phụ lục I đính kèm).

2. Trên cơ sở Thông báo số 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Ban chấp hành Trung ương về thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về thống nhất chủ trương Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới, trong đó ưu tiên các xã biên giới miền núi (đối tượng bao gồm cả học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh là người dân tộc Kinh sinh sống tại các xã biên giới) và tại Tờ trình số 610/TTr-CP ngày 26/6/2025 của Chính phủ trình Quốc hội thông qua Chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa và tổng hợp số liệu hỗ trợ học sinh tại các địa phương; đề nghị các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực chủ động và phối hợp với sở, ngành của địa phương để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có văn bản báo cáo nhu cầu hỗ trợ gạo bữa ăn trưa cho học sinh (theo mức hỗ trợ dự kiến mỗi tháng 08 kg gạo/học sinh, thời gian hỗ trợ không quá 09 tháng/năm học) gửi Bộ Tài chính (qua Cục Dự trữ Nhà nước) chậm nhất đến ngày 22/8/2025 (Chi tiết các địa phương đề nghị báo cáo theo Phụ lục II đính kèm).

3. Chi cục trưởng các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực có kế hoạch, phương án chuẩn bị sẵn sàng về nhân lực, phương tiện, gạo dự trữ quốc gia để tổ chức xuất cấp kịp thời ngay đầu năm học 2025-2026.

Đề nghị các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực khẩn trương triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ phụ trách (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TCQLH (25b).





PHỤ LỤC I

(Kèm theo Công văn số 118 /CDT-TCQLH ngày 19/8/2025 của Cục Dự trữ Nhà nước)

STT	Chi cục DTNN khu vực quản lý địa bàn các tỉnh, thành phố	Địa phương có đối tượng được hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (tỉnh, thành phố)	Trong đó	
			Địa phương đã có báo cáo nhu cầu hỗ trợ gạo	Địa phương chưa gửi báo cáo
Tổng cộng	15 Chi cục DTNN khu vực	33 tỉnh, thành phố	16 tỉnh, thành phố	17 tỉnh, thành phố
1	Chi cục DTNN khu vực I	Hà Nội, Phú Thọ	Hà Nội	Phú Thọ
2	Chi cục DTNN khu vực II	Hồ Chí Minh, Đồng Nai		Hồ Chí Minh, Đồng Nai
3	Chi cục DTNN khu vực III	Quảng Ninh, Hưng Yên		Quảng Ninh, Hưng Yên
4	Chi cục DTNN khu vực IV	Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên	Tuyên Quang, Lào Cai	Thái Nguyên
5	Chi cục DTNN khu vực V	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu	
6	Chi cục DTNN khu vực VI	Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh	Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh	
7	Chi cục DTNN khu vực VII	Ninh Bình, Thanh Hóa	Thanh Hóa	Ninh Bình
8	Chi cục DTNN khu vực VIII	Nghệ An, Hà Tĩnh		Nghệ An, Hà Tĩnh
9	Chi cục DTNN khu vực IX	Quảng Trị, Huế	Quảng Trị, Huế	
10	Chi cục DTNN khu vực X	Đà Nẵng, Quảng Ngãi		Đà Nẵng, Quảng Ngãi
11	Chi cục DTNN khu vực XI	Gia Lai	Gia Lai	
12	Chi cục DTNN khu vực XII	Đắk Lắk		Đắk Lắk
13	Chi cục DTNN khu vực XIII	Khánh Hòa, Lâm Đồng	Khánh Hòa, Lâm Đồng	
14	Chi cục DTNN khu vực XIV	Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long		Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long
15	Chi cục DTNN khu vực XV	Cần Thơ, An Giang, Cà Mau	Cà Mau	Cần Thơ, An Giang

San



PHỤ LỤC II

(Kèm theo Công văn số 1118 /CDT-TCQLH ngày 19/8/2025 của Cục Dự trữ Nhà nước)

STT	Chi cục DTNN khu vực quản lý địa bàn các tỉnh, thành phố	Địa phương có đối tượng được hỗ trợ bữa ăn trưa học ở các xã biên giới đất liền
Tổng cộng	14 Chi cục DTNN khu vực	22 tỉnh, thành phố
1	Chi cục DTNN khu vực II	Đồng Nai
2	Chi cục DTNN khu vực III	Quảng Ninh
3	Chi cục DTNN khu vực IV	Tuyên Quang, Lào Cai
4	Chi cục DTNN khu vực V	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu
5	Chi cục DTNN khu vực VI	Cao Bằng, Lạng Sơn
6	Chi cục DTNN khu vực VII	Thanh Hóa
7	Chi cục DTNN khu vực VIII	Nghệ An, Hà Tĩnh
8	Chi cục DTNN khu vực IX	Quảng Trị, Huế
9	Chi cục DTNN khu vực X	Đà Nẵng, Quảng Ngãi
10	Chi cục DTNN khu vực XI	Gia Lai
11	Chi cục DTNN khu vực XII	Đắk Lắk
12	Chi cục DTNN khu vực XIII	Lâm Đồng
13	Chi cục DTNN khu vực XIV	Tây Ninh, Đồng Tháp
14	Chi cục DTNN khu vực XV	An Giang

Handwritten signature